



1165 Series

AMR/AGV-4 BÁNH XE CÀNG XOAY (TẢI VỪA) Ổ BI CHÍNH XÁC ĐƠN

AMR/AGV-4 單精密軸承活動腳輪系列(中型)

- Sử dụng ổ bi chính xác, nâng cao khả năng thích ứng với những môi trường phức tạp của AMR/AGV: bánh xe bền, di chuyển cự ly dài, và chống bụi bám, thích hợp sử dụng cho AMR/AGV loại tải vừa.
- 採用精密軸承，來應對 AMR/AGV 需求的複雜環境：耐久，長距離運行，防塵等特點；適用於中等載荷 AMR/AGV 用。

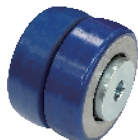
Tải trọng
載重
35 - 200 kg



» Vật liệu bánh xe 輪 子 選 項



Bánh Resolute (Bánh xe đôi)
全效雙輪



Bánh ZQPU (Bánh xe đôi)
ZQPU雙輪



Bánh Resolute (Cong)
全效輪(小弧)



Bánh AQPU lõi nhôm
鋁芯AQPU



Bánh AHPU lõi nhôm
鋁芯AHPU



Bánh cao su Resolute đàn hồi xanh
藍色彈力全效輪



Bánh ZQPU (Chống tĩnh điện)
ZQPU輪(抗靜電)



Bánh dẫn điện(Cong)
導電輪(小弧)



Bánh W Resolute (Phẳng)
W 全效輪(平面)



Ổ bi
滾珠軸承

*Có các loại bánh xe chống tĩnh điện khác, quý khách có nhu cầu vui lòng liên hệ xưởng sản xuất

*有其它抗靜電輪可供選擇，如有需求請聯絡工廠

» Quy cách tấm lắp 底板規格

Số thứ tự 編號	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
2", 2.5", 3", 4", 5"	66 x 92 mm (2-3/8" x 3-5/8")	45 x 75 mm (1-3/4" x 3")	6.35mm(1/4")
2", 2.5", 3", 4", 5"	76 x 103 mm (3" x 4-1/16")	60 x 80 mm (2-3/8" x 3-1/8")	6.35mm(1/4")



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
50mm x 22.5mm(48.5) (2" x 7/8")	60kgs (132lbs)	Bánh Resolute (Bánh xe đôi) 全效雙輪	1165-02-68D-1(4)	1165-02-68D-2(4)	—	Ổ bi 滾珠軸承	72mm (2-7/8")	47mm (1-7/8")
50mm x 20mm (2" x 3/4")	70kgs (154lbs)	Bánh ZQPU (Bánh xe đôi) ZQPU雙輪	1165-02-101-1(4)	1165-02-101-2(4)	—			
	70kgs (154lbs)	Bánh ZQPU (Chống tĩnh điện) ZQPU輪(抗靜電)	1165-02-101-1(4)	1165-02-101-2(4)	—			
62.5mm x 23.5mm(50.5) (2-1/2" x 15/16")	80kgs (176lbs)	Bánh Resolute (Bánh xe đôi) 全效雙輪	1165-25-68D-1(4)	1165-25-68D-2(4)	—	Ổ bi 滾珠軸承	85mm (3-1/4")	56mm (2-1/4")
62.5mm x 20mm (2-1/2" x 3/4")	200kgs (440lbs)	Bánh ZQPU (Bánh xe đôi) ZQPU雙輪	1165-25-101-1(4)	1165-25-101-2(4)	—			
	150kgs (330lbs)	Bánh ZQPU (Chống tĩnh điện) ZQPU輪(抗靜電)	1165-25-101-1(4)	1165-25-101-2(4)	—			
62.5mm x 30mm (2-1/2" x 1-1/8")	120kgs (242lbs)	Bánh AHPU lõi nhôm 鋁芯AHPU	1165-25-117-1(4)	1165-25-117-2(4)	—			
62.5mm x 23.5mm (2-1/2" x 15/16")	50kgs (110lbs)	Bánh Resolute 全效輪	1165-25-68-1(4)	1165-25-68-2(4)	—			52.5mm (2-1/8")
	35kgs (77lbs)	Bánh dẫn điện 導電輪	1165-25-17-1(4)	1165-25-17-2(4)	—			
75mm x 24mm(51) (3" x 15/16")	90kgs (198lbs)	Bánh Resolute (Bánh xe đôi) 全效雙輪	1165-03-68D-1(4)	1165-03-68D-2(4)	—	Ổ bi 滾珠軸承	98mm (3-7/8")	63.5mm (2-1/2")
75mm x 20mm (3" x 15/16")	200kgs (440lbs)	Bánh ZQPU (Bánh xe đôi) ZQPU雙輪	1165-03-101-1(4)	1165-03-101-2(4)	—			
	150kgs (330lbs)	Bánh ZQPU (Chống tĩnh điện) ZQPU輪(抗靜電)	1165-03-101-1(4)	1165-03-101-2(4)	—			
75mm x 31mm (3" x 1-1/4")	90kgs (198lbs)	Bánh Resolute 全效輪	1165-03-68-1(4)	1165-03-68-2(4)	—			62mm (2-1/2")
	60kgs (132lbs)	Bánh dẫn điện 導電輪	1165-03-17-1(4)	1165-03-17-2(4)	—			
	100kgs (220lbs)	Bánh W Resolute W 全效輪	1165-03-48-1(4)	1165-03-48-2(4)	—			
75mm x 30mm (3" x 1-1/8")	150kgs (330lbs)	Bánh AQPƯ lõi nhôm 鋁芯AQPƯ	1165-03-87-1(4)	1165-03-87-2(4)	—			
100mm x 24.5mm(51.5) (4" x 15/16")	120kgs (264lbs)	Bánh Resolute (Bánh xe đôi) 全效雙輪	1165-04-68D-1(4)	1165-04-68D-2(4)	—	Ổ bi 滾珠軸承	125mm (4-7/8")	85mm (3-3/8")
100mm x 34mm (4" x 1-3/8")	110kgs (242lbs)	Bánh cao su Resolute đàn hồi xanh 藍色彈力全效輪	1165-04-50-1(4)	1165-04-50-2(4)	—			
100mm x 31mm (4" x 1-1/4")	80kgs (196lbs)	Bánh W Resolute W 全效輪	1165-04-48-1(4)	1165-04-48-2(4)	—			
	200kgs (440lbs)	Bánh AQPƯ lõi nhôm 鋁芯AQPƯ	1165-04-87-1(4)	1165-04-87-2(4)	—			
125mm x 24.5mm(51.5) (5" x 15/16")	130kgs (286lbs)	Bánh Resolute (Bánh xe đôi) 全效雙輪	1165-05-68D-1(4)	1165-05-68D-2(4)	—	Ổ bi 滾珠軸承	150mm (5-7/8")	101.5mm (4")
125mm x 36mm (5" x 1-3/8")	130kgs (286lbs)	Bánh cao su Resolute đàn hồi xanh 藍色彈力全效輪	1165-05-50-1(4)	1165-05-50-2(4)	—			
125mm x 31mm (5" x 1-1/4")	100kgs (220lbs)	Bánh W Resolute W 全效輪	1165-05-48-1(4)	1165-05-48-2(4)	—			
	200kgs (440lbs)	Bánh AQPƯ lõi nhôm 鋁芯AQPƯ	1165-05-87-1(4)	1165-05-87-2(4)	—			

*Tải trọng được kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn ISO *荷重皆根據ISO測試標準制定